

## Đề bài

“Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật”. (Theo Nguyễn Khải, Các nhà văn nói về văn, tập 1, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985, trang 61). Anh, chị hiểu như thế nào về ý kiến nêu trên? Hãy liên hệ với sáng tác của Xuân Diệu hoặc Tố Hữu để làm sáng tỏ vấn đề. (Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1999, bảng A)

## Bài làm

Điều gì tạo nên giá trị của một tác phẩm nghệ thuật? Tư tưởng của nhà văn hay tình cảm của người nghệ sĩ? Câu hỏi đó đã làm băn khoăn hết thảy mọi người, không chỉ có chúng ta mà còn cả giới nghệ sĩ. Đã có nhiều cách bàn bạc, lí giải xung quanh vấn đề này. Ý kiến của nhà văn Nguyễn Khải dưới đây, theo tôi cũng là một ý kiến đánh giá đầy đủ, chính xác và đáng ghi nhận: “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật”.

Là một nhà văn đã lăn lộn nhiều với nghề viết, đã từng nếm trải và chịu đựng những quy luật nghiệt ngã của văn chương, hơn ai hết Nguyễn Khải ý thức sâu sắc những yêu cầu khe khắt của nghệ thuật. Ông hiểu giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhà văn phải là người có tư tưởng. Nhưng bằng những sự trải nghiệm của một đời cầm bút, ông cũng thấm thía nghệ thuật không phải chỉ là tư tưởng đơn thuần mà phải là tư tưởng được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, nghĩa là tư tưởng ấy phải được thấm đẫm trong tình cảm của người viết, tư tưởng ấy phải được chuyển tải bằng tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ. Nói cách khác, ý kiến của Nguyễn Khải đã khẳng định mối quan hệ gắn bó, không thể tách rời giữa tư tưởng và tình cảm của nhà văn.

“Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó”. Câu nói hiển nhiên như một chân lí không thể phủ nhận. Một tác phẩm nghệ thuật có giá trị, trước hết phải đề xuất được một tư tưởng mới mẻ. Một nhà văn có tầm cỡ hay không, tôi nghĩ điều yêu cầu đầu tiên là nhà văn ấy phải là một nhà tư tưởng. Nghĩa là ông ta phải có những phát hiện riêng mình về chân lí đời sống, có những triết lí riêng của mình về nhân sinh. Bởi xét đến cùng, thiên chức cao cả của văn chương nghệ thuật là phản ánh con người và hướng tới phục vụ đời sống con người. Văn học là một hình thái ý thức tinh thần; bởi thế, nhà văn khi viết tác phẩm không thể không bộc lộ tư tưởng của riêng mình, chủ kiến của riêng mình trước những vấn đề của đời sống. Làm sao văn học có thể thực hiện được sứ mệnh thiêng liêng của mình là bồi đắp, làm giàu đời sống tinh thần của con người, nếu như người viết không gửi được vào trong tác phẩm của mình tư tưởng nào đó về cuộc sống?

Mặt khác, bản chất của lao động nghệ thuật là sáng tạo. Nghề văn phải là nghề sáng tạo. Mà tôi cho rằng sáng tạo khó khăn nhất, nhưng cũng vinh quang nhất của người nghệ sĩ, là khám phá, phát minh ra một hệ thống tư tưởng của riêng mình. Văn chương đâu chấp nhận những sản phẩm nghệ thuật chung chung quen thuộc, viết ra dưới ánh sáng của một khuôn mẫu tư tưởng nào đấy. Nếu thế thì văn chương sẽ trở nên tẻ nhạt biết bao. Không,

“văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có” (Nam Cao). Một khi anh đề xuất được những tư tưởng mang tính khám phá về đời sống, tư tưởng ấy sẽ quyết định đến sự sáng tạo hình thức của tác phẩm. Chưa nói rằng, ở những nhà văn lớn, tư tưởng là yếu tố cốt lõi hình thành nên phong cách nghệ thuật, gương mặt riêng, dấu ấn riêng của nhà văn trong đời sống văn học vốn mênh mông phức tạp, vàng thau lẫn lộn này. Có thể khẳng định rằng, tư tưởng lớn ấy là tố chất của một nhà nghệ sĩ lớn.

Tuy nhiên, theo Nguyễn Khải, tư tưởng của một nhà văn không phải là thứ tư tưởng “nằm thẳng đơ trên trang giấy”, mà là tư tưởng “đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm”.

Vấn đề đặt ra là tại sao tư tưởng lại phải chuyển tải bằng tình cảm của người viết và tình cảm của nhà văn sao lại là “khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật”?

Có lẽ, xin được bắt đầu từ quy luật lớn của văn học nói riêng, nghệ thuật nói chung. C. Mác có lần nhấn mạnh: Nói quy luật của văn học là nói quy luật của cái đẹp. Người khác thì cụ thể hơn, khẳng định quy luật của cái đẹp là quy luật của tình cảm. Vậy, tình cảm chứ không phải bất kì yếu tố nào khác mới là ngọn nguồn sâu xa của cái đẹp. Mỗi tác phẩm nghệ thuật đích thực phải hướng con người tới cái đẹp bằng tình cảm của nhà văn. Tác phẩm của anh phải là sự lên tiếng, sự thăng hoa cảm xúc của chính anh. Không phải ngẫu nhiên mà khi bàn về thơ, nhiều nhà văn, nhiều học giả đều khẳng định vai trò của tình cảm đối với thơ. Ngô Thị Nhậm thì kêu gọi các thi nhân: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”, còn Muxtxê cũng nhấn nhủ các nhà thơ: *Hãy đập vào tim anh, Thiên tài là ở đó*. Tư tưởng của một nhà văn đâu có giá trị đến đâu, độc đáo, mới mẻ đến nhường nào thì nó cũng vẫn chỉ là một xác bướm ép khô trên trang giấy, nếu không được tình cảm của họ thổi hồn đánh thức dậy. Nếu anh chỉ có tư tưởng không thôi, thì chưa đủ làm cho một tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực. Tư tưởng của anh phải được “rung lên ở các cung bậc của tình cảm”. Cảm xúc trơ lì, mòn sáo, tình cảm thoáng qua, hời hợt, rớt cuộc những tư tưởng đó dù hay đến mấy cũng chỉ “nằm thẳng đơ”, vô hồn, vô cảm trên trang giấy mà thôi. Những sáng tạo nghệ thuật chân chính tuyệt nhiên không phải là sự minh họa giản đơn cho tư tưởng này hay tư tưởng khác, cho dù đó là tư tưởng rất hay (ý của Khrapchencô). Tư tưởng của nhà văn không khô khan và cứng nhắc, tư tưởng của nhà văn là tư tưởng nghệ thuật, là “tình cảm”, là “nhiệt hứng”, là “say mê”, là tất cả nhiệt tình kết tinh lại (Biêlinxki).

Có thể nói tình cảm của người viết chính là khâu đầu tiên của quá trình xây dựng tác phẩm nghệ thuật. Điều này có căn nguyên sâu xa từ đặc trưng của văn học. Văn học là tiếng nói tâm hồn, tình cảm của cá nhân người nghệ sĩ trước cuộc đời. Làm sao nhà văn có thể viết nên tác phẩm – sản phẩm của thế giới tinh thần của mình – nếu như tâm hồn trơ như đá trước cuộc đời?

Nhà văn chỉ có thể sáng tạo nên tác phẩm khi cảm thấy bức xúc trước cuộc sống con người, cảm thấy tiếng nói thôi thúc mãnh liệt con tim. Nhiều nghệ sĩ đã gọi đó là giây phút “bùng nổ cảm hứng” hay “cú hích của sáng tạo” là vì vậy. Không phải vô cớ mà Lê Quý Đôn cho rằng: “Thơ khởi phát tự trong lòng người ta”. Tố Hữu cũng tâm sự về quá trình thai nghén, sáng tạo thơ của mình. Mỗi khi thấy trong lòng có gì băn khoăn, không viết ra không chịu nổi, ông lại làm thơ. Còn Nêkraxôp thì tâm tình với bạn văn rằng, tất cả những gì khiến cho ông đau khổ, rạo rực, say mê, ông đều gửi vào thơ. Tôi chợt hiểu, vì sao trong thư gửi một nhà thơ trẻ để trả lời cho câu hỏi có nên làm thơ hay không, Rinkle đã có một lời khuyên chân tình rằng, anh hãy đối diện với lòng mình vào đêm khuya thanh vắng, để tự trả lời câu hỏi: Ta có thể không viết được không? Nếu không viết liệu ta có chết không? Chỉ khi nào trả lời được câu hỏi ấy, anh hãy viết. Điều đó nói lên rằng, tình cảm mãnh liệt – ấy chính là tố chất đặc thù của người nghệ sĩ, là khâu đầu tiên của quá trình sáng tạo nghệ thuật.

Không chỉ có vậy, tình cảm còn là khâu sâu cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm nghệ thuật của nhà văn. Người đọc đến với tác phẩm trước hết đầu phải bằng con đường của lí trí. Họ đến với tác phẩm bằng chiếc cầu nối từ trái tim đến với trái tim. Những tư tưởng tâm đắc nhất, tha thiết nhất nhà văn gửi gắm trong tác phẩm sẽ thâm nhập vào tâm hồn bạn đọc trong hình hài của cảm xúc. Mỗi khi đọc một bài văn, bài thơ, lí trí ta chưa kịp hiểu câu chữ, hình ảnh... thì tình cảm đã xâm chiếm hồn ta tự khi nào, lòng ta chợt rung lên theo những rung cảm của tâm hồn người nghệ sĩ, cũng chợt thấy yêu ghét theo những yêu ghét của người viết. Phải chăng, bởi thế, Bạch Cư Dị đã khẳng định: “Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm” và tình cảm là gốc của văn chương. Một tác phẩm có giá trị hay không xét cho cùng là do tình cảm của người viết có chân thực hay không, có khả năng đánh động tới tình cảm người đọc hay không. Tư tưởng nghệ thuật nào phải một hình thái chết, nó là những phát hiện, những triết lí riêng của nhà văn, một thứ triết lí nhân sinh đầy tình cảm, cảm xúc, thấm đẫm bầu tâm huyết của người nghệ sĩ.

Soi vào thực tế văn học, tôi chợt hiểu vì sao có những nhà văn suốt cả đời không tạo nên một tác phẩm có giá trị đích thực để rớt cuộc phải ngậm đắng, nuốt cay than thở cho sự bạc bẽo của nghề văn. Và vì sao lại có những nghệ sĩ lớn như Xuân Diệu sống mãi với thời gian.

Dù dòng thời gian vẫn miệt mài chảy trôi, bao đời người dâu bể, bao thế kỉ thăng trầm, âm thầm cái công việc của nó là phủ bụi, xóa bỏ tất cả thì những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật sẽ còn sống mãi, trong đó có những vần thơ của Xuân Diệu.

Xuân Diệu là một nhà thơ lớn. Và điều tạo nên tầm vóc của nhà thơ lớn ấy là bởi đâu, nếu không phải bởi tư tưởng của thi sĩ? Tôi không bao giờ tin rằng một nhà văn có thể làm nên tên tuổi. Không, một nhà văn lớn trước hết

phải có tư tưởng lớn, có những phát hiện riêng của mình về cuộc sống. Xuân Diệu đã đi đúng con đường mà những người nghệ sĩ lớn vẫn thường đi bởi ông đã đề xuất với cuộc đời này một tư tưởng, một quan niệm của riêng ông. Nếu có thể tóm gọn toàn bộ tư tưởng ấy thì ta chỉ có thể đặt cho nó một cái tên là “niềm khát khao giao cảm với đời”. Tư tưởng ấy đã góp phần làm cho sự nghiệp thơ văn Xuân Diệu trụ vững với thời gian. Giữa bao nhà thơ khác đang chán chường tuyệt vọng, trốn chạy vào quá khứ vàng son hay ẩn lánh trên một vì tinh tú đơn côi, thì chàng thi sĩ ấy, con người có đôi mắt biếc luôn mở to nhìn cuộc đời với xiết bao say mê, quyến luyến, lại khát khao được hóa thân thành cây *xanh mãi mãi ở vườn trần, chân hóa rễ để hút mùa dưới đất*, được mãi mãi áp ôm cõi đời này trong vòng tay say đắm. Đôi mắt “xanh non”, đôi mắt “biếc rờn” đã phát hiện ra cả một thiên đường nơi mặt đất này, nơi mà bao thi sĩ khác như Thế Lữ, Chế Lan Viên... dường như có lúc chỉ muốn lẩn tránh thật xa. Sáng tác thơ, Xuân Diệu muốn thả những mảnh hồn sôi nổi, tinh tế của mình tới mọi tâm hồn bè bạn, ở một phương trời, của hôm nay và vĩnh viễn mai sau với một tấm lòng “khát khao giao cảm với đời”. Tư tưởng nhân văn độc đáo và khỏe khoắn ấy chẳng phải là cái gốc sáng của chùm câu vồng nghệ thuật lung linh những vần thơ Xuân Diệu, chẳng phải là cái ánh sáng của những viên ngọc trai tròn trặn đầy sao? Lòng “khát khao giao cảm với đời” đã giúp Xuân Diệu viết nên những vần thơ tình yêu đích thực, vừa trần thế vừa rất đổi cao đẹp để Xuân Diệu lưu lại dấu ấn với thời gian như một “ông hoàng của thơ tình” – danh hiệu mà biết bao người ao ước.

Nhưng Xuân Diệu có thể nào sống trong lòng mỗi chúng ta với những vần thơ ấy, nếu tư tưởng của ông chỉ là một hình thái chết “nằm thẳng đờ trên trang giấy”? Không, tư tưởng ấy còn lại mãi mãi với cõi đời này bởi nó đã được “rung lên ở những cung bậc của tình cảm”, là thứ ngọc kết tinh từ toàn bộ con người và tâm hồn, thế giới tình cảm của thi sĩ Xuân Diệu. Ngay tên gọi của tư tưởng nghệ thuật ấy đã hàm chứa biết bao tình cảm. Nó bắt nguồn từ nhịp rung mãnh liệt của con tim Xuân Diệu – trái tim muốn đập mãi với cõi đời, cõi người này. Đó là khát khao cháy bỏng, là say đắm khôn cùng hay là toàn bộ con người tinh thần của người nghệ sĩ? Chỉ biết rằng, mỗi vần thơ Xuân Diệu như được chất ra từ lòng yêu đời, yêu cuộc sống nồng nhiệt.

Tư tưởng nhân văn độc đáo ấy nào phải do Xuân Diệu phát minh ra, rồi dùng tài năng của mình, phủ đáp xương thịt lên hồn cốt ấy. Không, ngọn nguồn sâu xa của tư tưởng cao đẹp ấy chính là tình cảm, là nỗi sợ cô đơn. Nỗi sợ hãi đã ám ảnh, đã bám riết tâm hồn cậu bé Xuân Diệu – con người từ thuở nhỏ đã phải sống trong sự ghẻ lạnh thờ ơ của gia đình. Tâm hồn non tơ thiếu vắng tình yêu thương của mẹ, bởi thế luôn khao khát đồng cảm, khao khát được mọi người tri âm. Xuân Diệu tìm đến thơ như một lẽ tự nhiên không thể nào khác được bởi với ông, thơ là chiếc cầu linh diệu nhất nối trái

tim đến với những trái tim. Nhà thơ lúc nào cũng ước mơ cháy bỏng được làm phấn thông vàng bay khắp cõi đất này, tràn ngập cả không gian. Nỗi sợ cô độc vây phủ lên mọi bài thơ, trong hạnh phúc tốt cùng đã thấp thoáng những dự cảm âu lo:

*Lòng ta trống lấm, lòng ta lạnh,  
Như túp nhà không bốn vách xiêu.*

Tôi luôn tự hỏi, nếu những vần thơ Xuân Diệu không thấm đẫm một bầu cảm xúc, một niềm yêu đời mãnh liệt thì liệu những vần thơ của ông có thể rung động lòng người đến thế? Mỗi vần thơ như kết tinh từ xúc cảm đắm say đến cuồng nhiệt ngây ngất của người nghệ sĩ đối với cuộc sống này. Nó giúp ông khám phá những hương mật ngọt ngào của thiên đường trần thế:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật,  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì,  
Này đây lá của cành tơ phơ phất;  
Của yến anh này đây khúc tình si.*

Mỗi điệp ngữ *này đây* như một đợt sóng trào dâng của niềm yêu đời. Nhà thơ như muốn chỉ cho mỗi người thấy cuộc sống này đáng yêu như vậy đây. Vậy bạn ơi, hãy sống hết mình với đời, với người, bằng tất cả tâm hồn mình và hưởng thụ cuộc sống đẹp đẽ này. Cần gì phải đi đâu, phải thoát lên tiên hay mơ màng tới phương xa xứ lạ. Thiên đường là đây, là cõi đất mến yêu, gần gũi này.

Xúc cảm đâu chịu nguôi yên, lúc nào nó cũng muốn cựa quậy trên trang giấy để bút phá, đập tung những khuôn khổ bó buộc của câu chữ, khiến thành trì chữ nghĩa phải lung lay:

*Ta muốn ôm  
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;  
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,  
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,  
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,  
Cho chuánh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,  
Cho no nên thanh sắc của thời tươi;  
Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

Các động từ *riết, ôm, say, thâu* như muốn xô lệch cả con chữ. Cái áo xưa giờ đã quá chật hẹp không đựng nổi bầu cảm xúc tươi rói, luôn phập phồng sự sống. Cảm xúc tràn ra ngoài câu chữ, thấm vào lòng người đọc, thổi bùng lên ngọn lửa của lòng yêu sống. Nó khiến ta không thể yên. Thơ hay tiếng lòng của nghệ sĩ đã thốt thành thơ? Bao xúc cảm, men say ngất ngây tốt đỉnh đã dồn tụ lại để bật lên một câu thơ độc đáo vào bậc nhất trên thi đàn Việt Nam: – *Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!* Có lẽ nhiều

người còn nhắc đến tính hiện đại của câu thơ ấy. Còn tôi, tôi chỉ muốn nói rằng, câu thơ ấy là tiếng vang thốt ra từ bầu tâm huyết của Xuân Diệu đối với cõi đời này. Tư tưởng tạo nên tâm vóc của nhà văn. Tình cảm thổi hồn cho tư tưởng ấy sống dậy thành sinh thể. Có thể nào phủ nhận mối quan hệ gắn bó máu thịt không thể tách rời ấy. Tư tưởng của Xuân Diệu cũng vậy, nó đã sống trong tình cảm, trong tâm huyết của nhà thơ. Mỗi câu thơ thâm nhập hồn ta đâu phải là con chữ vô hồn, nó là tất cả cảm xúc của thi nhân khuấy động mãi trong ta, thấp lên trong ta ngọn lửa của niềm ham sống. Mỗi câu, mỗi chữ viết ra là máu thịt của nhà văn. Không có bầu cảm xúc ấy, liệu người đọc có thể nhớ mãi câu thơ: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần* – câu thơ được viết ra bởi một cảm quan nhân sinh yêu đời, khỏe khoắn, nồng nhiệt? Không có “lòng khát khao giao cảm với đời” ấy, liệu có thể tạo nên một *Nguyệt cầm* tuyệt tác, liệu Xuân Diệu có thể lắng nghe được những rung động tinh tế, mơ hồ, hư ảo trong lòng người và vạn vật để truyền vào những vần thơ ít lời, nhiều ý súc tích như đọng lại bao tinh hoa? Tình cảm mãi là ngọn nguồn sâu xa của mọi sáng tạo nghệ thuật chân chính trên cõi đời này.

Xuân Diệu đã ví mình như một con chim họa mi “đến từ núi lạ”, “ngựa cỏ hót chơi” khi gió sớm, lúc trăng khuya. Con chim họa mi ấy không mong vì tiếng hót của mình mà hoa nở, nhưng nguyện thề rằng, đó phải là tiếng hót thiết tha, nồng nàn đến vỡ cổ, đến độ trào máu. Có lẽ vì tiếng hót đắm say đến nhường ấy nên đã đọng lại trong bầu trời thi ca Việt Nam một cung bậc riêng, càng nghe càng lạnh lốt, vang ngân. Vâng, toàn bộ sức sống của hồn thơ Xuân Diệu là ở đây chăng? Là con người đã biết hát lên bằng tất cả những rung cảm sâu lắng mãnh liệt của mình niềm “khát khao giao cảm với đời”, trái tim ấy cao hơn nhà thơ, cao hơn nhà nghệ sĩ.

Đã có một thời người ta quá đề cao vai trò tư tưởng của nhà văn. Điều đó dẫn đến một thực trạng đáng buồn là văn chương cơ hồ trở thành triết học, luận thuyết giáo điều, rơi vào nguy cơ mất dần vẻ đẹp đích thực của nó. Chúng ta không thể phủ nhận vai trò to lớn của tư tưởng nghệ thuật. Tuy nhiên, cũng không thể vì thế mà lãng quên đặc trưng của văn chương nghệ thuật, khiến văn chương đúng là văn chương, là tình cảm: Văn học phải được gửi vào xúc cảm, sống trong tình cảm. Đó là bài học đối với mọi nghệ sĩ chân chính trong sáng tạo nghệ thuật.

Đã có không ít người than thở về sự bạc bẽo của nghề văn. Theo tôi, sự bạc bẽo của văn chương nếu có là ở đây chăng? Nghệ thuật không dung nạp những tác phẩm chỉ là cái loa phát ngôn cho tư tưởng của nhà văn.

Và vì thế, ý kiến của Nguyễn Khải là lời tâm niệm của những ai quyết thủy chung với văn chương nghệ thuật.

Bùi Việt Lâm

Trường THPT chuyên Hùng Vương – Phú Thọ (Bài đoạt giải nhất)